



START LIST BY TARGET

反曲男/複合男/裸弓男 (1 Elim. Round)

Target	Name	NOC	Country	W. Rank	Date of Birth
1A	林育震	TCC	台中市		
B	林仲維	HLCT	花蓮縣		
C	李家丞	NTPC	新北市		
D	余俊賢	KHC	高雄市		
2A	洪晟皓	TYC	桃園市		
B	陳育德	KHC	高雄市		
C	魏璋荏	CHCT	彰化縣		
D	曾銀生	HLCT	花蓮縣		
3A	史宇軒	HCCT	新竹縣		
B	魏煒宸	TPC	台北市		
C	翁祥彬	TNC	台南市		
D	龍文昱	HCCT	新竹縣		
4A	彭士誠	TYC	桃園市		
B	王元靖	TPC	台北市		
C	趙睿宇	TCC	台中市		
D	李俊廷	NTPC	新北市		



START LIST BY TARGET

反曲男/複合男/裸弓男 (1 Elim. Round)

Target	Name	NOC	Country	W. Rank	Date of Birth
5A	魏均珩	TYC	桃園市		
B	高浩文	HLCT	花蓮縣		
C	陳信夫	HCCT	新竹縣		
D	郭振維	TYC	桃園市		
6A	吳[嘉	TNC	台南市		
B	楊宗翰	CYCT	嘉義縣		
C	郭翎羽	TNC	台南市		
D	陳緯杰	NTPC	新北市		
7A	羅正偉	TPC	台北市		
B	陳震	NTPC	新北市		
C	王厚傑	TPC	台北市		
D	王正邦	HLCT	花蓮縣		
8A	林昱辰	HCC	新竹市		
B	李金糖	HCC	新竹市		
C	溫紹堡	HCCT	新竹縣		
D	徐任蔚	TCC	台中市		



START LIST BY TARGET

反曲男/複合男/裸弓男 (1 Elim. Round)

Target	Name	NOC	Country	W. Rank	Date of Birth
9A	龔林祥	NTPC	新北市		
B	洪鈺淇	TPC	台北市		
C	林哲璋	TNC	台南市		
D	潘宇平	NTPC	新北市		
10A	陳享宣	HCCT	新竹縣		
B	林鑫民	TCC	台中市		
C	翁乙正	TPC	台北市		
D	林川豐	TYC	桃園市		
11A	陳界綸	TCC	台中市		
B	陳琮諭	HCC	新竹市		
C	王子政	KHC	高雄市		
D	王毅勳	KHC	高雄市		
12A	陳建翰	TYC	桃園市		
B	胡仁柏	CYCT	嘉義縣		
C	鄭百竣	TNC	台南市		
D	劉緣	TTCT	台東縣		



START LIST BY TARGET

反曲女/複合女/裸弓女 (1 Elim. Round)

Target	Name	NOC	Country	W. Rank	Date of Birth
1A	陳麗如	NTPC	新北市		
B	林明靜	HLCT	花蓮縣		
C	吳亭廷	NTPC	新北市		
D	楊佳樺	TYC	桃園市		
2A	高曾淑婷	HCCT	新竹縣		
B	李葶瑄	HCCT	新竹縣		
C	陳佩珊	TPC	台北市		
D	陳育淇	CHCT	彰化縣		
3A	廖丹鳳	KHC	高雄市		
B	黃湘雯	KHC	高雄市		
C	李靜	HLCT	花蓮縣		
D	王律勻	TYC	桃園市		
4A	朱淳瑩	TNC	台南市		
B	張家瑜	TPC	台北市		
C	劉晉宇	KLC	基隆市		
D	林明潔	HCC	新竹市		



START LIST BY TARGET

反曲女/複合女/裸弓女 (1 Elim. Round)

Target	Name	NOC	Country	W. Rank	Date of Birth
5A	張心瑀	TYC	桃園市		
B	藍翊禎	NTPC	新北市		
C	詹紫媚	TPC	台北市		
D	蔡雨芝	TPC	台北市		
6A	胡嘉伶	NTPC	新北市		
B	衛中瑩	CHCT	彰化縣		
C	劉詩翎	HCCT	新竹縣		
D	林美玲	HLCT	花蓮縣		
7A	鄭蘭君	HLCT	花蓮縣		
B	楊之儀	KLC	基隆市		
C	羅筱媛	HCC	新竹市		
D	謝忻豫	TNC	台南市		
8A	沈佑芳	HCC	新竹市		
B	林芳瑜	CYCT	嘉義縣		
C	方佑心	KLC	基隆市		
D	黃羽珊	HCCT	新竹縣		



START LIST BY TARGET

反曲女/複合女/裸弓女 (1 Elim. Round)

Target	Name	NOC	Country	W. Rank	Date of Birth
9A	林芳瑜	NTPC	新北市		
B	彭家楸	TYC	桃園市		
C	呂岱凌	TPC	台北市		
D	古芸飛	HCCT	新竹縣		
10A	林佳恩	HCCT	新竹縣		
B	林芝渝	KHC	高雄市		
C	林詩嘉	HCC	新竹市		
D	王方辰	TNC	台南市		
11A	高佳萍	HLCT	花蓮縣		
B	白依婷	TNC	台南市		
C	王昕婕	HLCT	花蓮縣		
D	林昱萱	HCC	新竹市		
12A	黃宣旻	TPC	台北市		
B	申慧筑	NTCT	南投縣		
1bis-C	謝汶芯	NTCT	南投縣		
D	陳盈如	CHCT	彰化縣		